TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 18** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2025/DS-ST
Ngày: 21-8-2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 18 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Đồng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Đắc Minh;

2. Ông Trương Hữu Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 21/8/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 18 - Thành phố Hồ Chí Minh (cơ sở 1) mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 259/2025/TLST-DS ngày 26/5/2025 về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2025/QĐXXST-DS ngày 06/8/2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Hồ Thị Ngọc L, sinh năm 1978; địa chỉ: Ấp X, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ cũ: Ấp X, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương); *Người đại diện hợp pháp*: Ông Vũ Tiến N, sinh năm 1970; địa chỉ: Ấp S, xã D, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ cũ: Khu phố D, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương ("*Hợp đồng ủy quyền" số: 03456, Quyển số 06/2025/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 04/6/2025*).

2. *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1974; địa chỉ: Ấp X, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ cũ: Ấp X, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương).

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn ông Vũ Tiến N có mặt; bị đơn bà Huỳnh Thị T có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 14/5/2025 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 22/7/2025; quá trình tố tụng giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Hồ Thị Ngọc L và đại diện theo ủy quyền ông Vũ Tiến N trình bày:***

- Theo đơn khởi kiện ngày 14/5/2025, giữa bà L với bà T có quan hệ quen biết nên ngày 22/8/2024, bà L có cho bà T vay số tiền 750.000.000 đồng. Việc vay tiền, hai bên có lập "Giấy vay tiền" đề ngày 22/8/2024, bà T có ký tên, lăn tay xác nhận và bà L giữ bản chính "Giấy vay tiền". Mục đích, bà T vay tiền của bà L là để đáo hạn ngân hàng. Các bên thỏa thuận thời hạn vay là 30 ngày, tức là đến ngày 22/9/2024 bà T phải có trách nhiệm trả lại toàn bộ số tiền đã vay cho bà L; hai bên không ghi nhận về lãi suất vay.

Đến thời hạn trả nợ, bà T không thanh toán khoản vay cho bà L nên bà L đã khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc bà T phải thanh toán cho bà L toàn bộ số tiền nợ gốc là 750.000.000 đồng và yêu cầu bà L trả lãi với lãi suất 1,6%/tháng tính từ ngày 22/8/2024 đến ngày 22/4/2025 (08 tháng) là 96.000.000 đồng.

- Theo đơn khởi kiện bổ sung ngày 22/7/2025, bà L xác định vào ngày 12/4/2025 bà T có vay của bà L số tiền là 8.000.000 đồng với mục đích mua xe máy để làm phương tiện đi lại. Việc vay tiền thì bà T có ký vào "Giấy vay tiền" đề ngày 12/4/2025 và bà L giữ bản chính "Giấy vay tiền". Nay, bà L khởi kiện yêu cầu bà T thanh toán số tiền vay 8.000.000 đồng, bà L không yêu cầu bà T phải trả tiền lãi suất vay.

Tại phiên tòa, ông N đại diện hợp pháp cho bà L xác định xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà T thanh toán:

+ Buộc bà T phải thanh toán cho bà L toàn bộ số tiền nợ gốc là 750.000.000 đồng và yêu cầu bà L trả lãi với lãi suất 0,83 %/tháng tính từ ngày 22/9/2024 đến ngày 22/4/2025 (07 tháng) là 43.575.000 đồng theo "Giấy vay tiền" đề ngày 22/8/2024; bà L không tranh chấp số tiền lãi 52.425.000 đồng theo đơn khởi kiện ngày 14/5/2025.

+ Buộc bà T thanh toán số tiền vay gốc 8.000.000 đồng theo "Giấy vay tiền" đề ngày 12/4/2025 và bà L không yêu cầu bà T phải trả tiền lãi suất vay.

Chứng cứ nguyên đơn bà L cung cấp: Đơn khởi kiện ngày 14/5/2025 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 22/7/2025 của bà L; "Giấy vay tiền" ngày 22/8/2024 và ngày 12/4/2025; Bản tự khai 14/5/2025 của bà L; "Hợp đồng ủy quyền" số: 03456, Quyển số 06/2025/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 04/6/2025.

**** Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, bị đơn bà Huỳnh Thị T trình bày:***

Bà T thống nhất với lời trình bày của đại diện hợp pháp của bà L về việc bà T có vay của bà L số tiền 750.000.000 đồng vào ngày 22/8/2024 và có ký tên vào "Giấy vay tiền" đề ngày 22/8/2024 mà bà L đã cung cấp cho Tòa án. Bà T xác định chữ viết bằng viết tay trên "Giấy vay tiền" đề ngày 22/8/2024 do bà T viết, ký tên và lăn tay xác nhận.

Bà T thống nhất với lời trình bày của đại diện hợp pháp của bà L về việc bà T có vay của bà L số tiền 8.000.000 đồng vào ngày 12/4/2025 và có ký tên vào "Giấy vay tiền" đề ngày 12/4/2025 mà bà L đã cung cấp cho Tòa án. Bà T xác định chữ viết bằng viết tay "Giấy vay tiền" đề ngày 12/4/2025 do bà T viết, ký tên và lăn tay xác nhận.

Trước yêu cầu khởi kiện của bà L thì bà T xác định đồng ý thanh toán số tiền vay gốc là 758.000.000 đồng, trong đó số tiền vay gốc theo "Giấy vay tiền" đề ngày 22/8/2024 là 750.000.000 đồng và "Giấy vay tiền" đề ngày 12/4/2025 là 8.000.000 đồng. Bà T không đồng ý thanh toán số tiền lãi theo yêu cầu của "Giấy vay tiền" đề ngày 22/8/2024 vì thực tế ban đầu bà T chỉ vay số tiền là 50.000.000 đồng nhưng do bà T không có tiền thanh toán cho bà L thì bà L cộng tiền gốc và tiền lãi và buộc bà T phải ký xác nhận vay gốc là 750.000.000 đồng. Như vậy, là bà L đã tính quá nhiều tiền lãi rồi nên bà T không trả lãi nữa. Chứng cứ thể hiện bà T vay số tiền gốc 50.000.000 đồng cũng như trả tiền lãi cho bà L thì bà T không có vì các chứng từ đó hai bên đã hủy hết cũng như trả tiền mặt với nhau nên không thành văn bản.

Chứng cứ bị đơn bà T cung cấp: Bản tự khai của bà T đề ngày 14/7/2025 và ngày 30/7/2025; Biên bản lấy lời khai đối với bà T ngày 30/7/2025.

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến:***

- *Về tố tụng*: Quá trình tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã thực hiện việc thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ, hòa giải và mở phiên tòa đúng quy định.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn ông Vũ Tiến N có mặt; bị đơn bà Huỳnh Thị T có mặt, như vậy đảm bảo sự tham gia tố tụng của các bên đương sự. Quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

- *Về nội dung*: Căn cứ vào các chứng cứ của đương sự cung cấp, Toà án thu thập và quy định định của pháp luật tại các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015 đề nghị Tòa án chấp nhận tòa bộ yêu cầu khởi kiện nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi nghe lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn ông Vũ Tiến N có mặt; bị đơn bà Huỳnh Thị T có mặt, như vậy đảm bảo sự tham gia tố tụng của các bên đương sự theo quy định tại các Điều 68, 70, 71, 72, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Theo đơn khởi kiện ngày 14/5/2025 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 22/7/2025, bà L yêu cầu Tòa án giải quyết đối với bà T như sau:

- Theo đơn khởi kiện ngày 14/5/2025, bà L buộc bà T phải thanh toán cho

bà L toàn bộ số tiền nợ gốc là 750.000.000 đồng và yêu cầu bà L trả lãi với lãi suất 1,6%/tháng tính từ ngày 22/8/2024 đến ngày 22/4/2025 (08 tháng) là 96.000.000 đồng.

- Theo đơn khởi kiện bổ sung ngày 22/7/2025, bà L buộc bà T thanh toán số tiền vay 8.000.000 đồng, bà L không yêu cầu bà T phải trả tiền lãi suất vay.

Tại phiên tòa, ông N đại diện hợp pháp cho bà L xác định xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà T thanh toán:

+ Buộc bà T phải thanh toán cho bà L toàn bộ số tiền nợ gốc là 750.000.000 đồng và yêu cầu bà L trả lãi với lãi suất 0,83 %/tháng tính từ ngày 22/9/2024 đến ngày 22/4/2025 (07 tháng) là 43.575.000 đồng theo "Giấy vay tiền" đề ngày 22/8/2024; bà L không tranh chấp số tiền lãi 52.425.000 đồng theo đơn khởi kiện ngày 14/5/2025.

+ Buộc bà T thanh toán số tiền vay gốc 8.000.000 đồng theo "Giấy vay tiền" đề ngày 12/4/2025 và bà L không yêu cầu bà T phải trả tiền lãi suất vay.

Xét thấy, các bên đương sự trong vụ án đều cư trú tại phường T, Thành phố Hồ Chí Minh và quan hệ pháp luật tranh chấp là hợp đồng vay tài sản nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 18 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025.

[3] Tại phiên tòa, ông N đại diện hợp pháp cho bà L xác định xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, bà L không tranh chấp số tiền lãi 52.425.000 đồng theo đơn khởi kiện ngày 14/5/2025. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà L là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 5 và Điều 217 của Bộ luật Tố tụng năm 2015.

[4] Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, các bên đương sự đều xác định bà T là người viết, ký tên và lăn tay xác nhận trên "Giấy vay tiền" đề ngày 22/8/2024 và "Giấy vay tiền" đề ngày 12/4/2025. Việc thừa nhận của các bên đương sự là tình tiết, sự việc không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L:

[5.1] Xét yêu cầu đối với "Giấy vay tiền" đề ngày 22/8/2024:

Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, bà T thống nhất và chấp nhận thanh toán cho bà L số tiền vay gốc là 750.000.000 đồng theo "Giấy vay tiền" đề ngày 22/8/2024, đây là ý kiến tự nguyện của bà T nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Riêng đối với yêu cầu bà T phải trả lãi với lãi suất 0,83 %/tháng tính từ ngày 22/9/2024 đến ngày 22/4/2025 (07 tháng) là 43.575.000 đồng theo "Giấy vay tiền" đề ngày 22/8/2024 thì bà T không đồng ý. Bà T cho rằng, thực tế ban đầu bà T chỉ vay số tiền là 50.000.000 đồng nhưng do bà T không có tiền thanh toán thì bà L cộng tiền gốc và tiền lãi và buộc bà T phải ký xác nhận vay gốc là

750.000.000 đồng. Đồng thời, bà T xác định do bà L đã tính quá nhiều tiền lãi rồi nên bà T không trả lãi nữa. Tuy nhiên, bà T chỉ trình bày chung chung chứ không đưa ra chứng cứ chứng minh nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chập nhận lời trình bày của bà T.

Xem xét chứng cứ "Giấy vay tiền" đề ngày 22/8/2024 thì vụ việc thuộc trường hợp tranh chấp hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và không có lãi suất theo quy định tại các Điều 463 và 470 của Bộ luật dân sự năm 2015. Đồng thời, tính đến thời điểm xét xử, không có căn cứ nào xác định bà T đã thanh toán tiền lãi suất vay cho bà L nên việc bà L yêu cầu bà T phải trả lãi với lãi suất 0,83 %/tháng tính từ ngày 22/9/2024 đến ngày 22/4/2025 (07 tháng) là 43.575.000 đồng theo "Giấy vay tiền" đề ngày 22/8/2024 là có căn cứ nên được chấp nhận theo quy định tại các Điều 466 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[5.2] Xét yêu cầu khởi kiện đối với "Giấy vay tiền" đề ngày 12/4/2025:

Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, bà T thống nhất và chấp nhận thanh toán cho bà L số tiền vay gốc là 80.000.000 đồng theo "Giấy vay tiền" đề ngày 12/4/2025, đây là ý kiến tự nguyện của bà T nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về phần các thủ tục tố tụng, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp cũng như ý kiến đề nghị giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[7.1] Nguyên đơn bà L được hoàn trả toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

[7.2] Bị đơn bà T phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 5, 26, 35, 39, 92, 147, 217, 227, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025;

- Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định pháp luật về lãi suất.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" của bà Hồ Thị Ngọc L đối với bà Huỳnh Thị T.

Buộc bà Huỳnh Thị T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Hồ Thị Ngọc L tổng số tiền số tiền 801.575.000 đồng (*tám trăm lẻ một triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*), trong đó số tiền vay gốc là 750.000.000 đồng (*bảy trăm năm mươi triệu đồng*) và tiền lãi suất vay 43.575.000 đồng (*bốn ba triệu năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) tính từ ngày 22/9/2024 đến ngày 22/4/2025 (07 tháng) theo "Giấy vay tiền" đề ngày 22/8/2024 và số tiền vay gốc là 8.000.000 đồng (*tám triệu đồng*) theo "Giấy vay tiền" đề ngày 12/4/2025.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" của bà Hồ Thị Ngọc L đối với bà Huỳnh Thị T đối với số tiền lãi 52.425.000 đồng (*năm mươi hai triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) của "Giấy vay tiền" đề ngày 22/8/2024 theo đơn khởi kiện ngày 14/5/2025.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Buộc bà Huỳnh Thị T phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 36.047.250 đồng *(ba mươi sáu triệu không trăm bốn mươi bảy nghìn hai trăm năm mươi đồng).*

3.2. Hoàn trả cho bà Hồ Thị Ngọc L toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 18.990.000 đồng (*mười tám triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng*), trong đó có 18.690.000 đồng (*mười tám triệu sáu trăm chín mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002069 ngày 21/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương và 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006219 ngày 29/7/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, ngày 21/8/2025.

5. Quyền yêu cầu thi hành án:

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM (CS2);
- VKSND KV18-TP.HCM;
- Phòng THA DS KV18-TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Minh Đồng